ベトナム語

Ayase Welcome Pack

Hướng dẫn về đời sống sinh hoạt cho cư dân người nước ngoài

あやせウェルカムパック

外国人市民のための生活ガイド



Mục lục

1. Trường hợp khẩn cấp 1

1, Gọi đến số “110” nếu gặp tai nạn hay tội phạm ····· 1
2. Gọi đến số “119” nếu bị bệnh cấp cứu hay bị thương nặng · 1
3. Gọi đến số “119” nếu xảy ra hỏa hoạn ····· 3
4. Nếu chuông báo cháy của khu dân cư kêu····· 3

2. Bệnh tật/thương tích 5

1. Đi đến bệnh viện ····· 5
2. Phiên dịch tại bệnh viện (Dịch vụ cuộc gọi 3 bên của y tế thành phố Ayase)····· 5

3. Dịch vụ phiên dịch tại UBND thành phố 7

1. Tổng đài phiên dịch tiếng nước ngoài····· 7
2. Phiên dịch tại UBND thành phố ····· 7

4. Đời sống 9

1. Cách vứt rác····· 9
2. Gia nhập Hội tự quản ·····11
3. Quy tắc sống và cách cư xử····· 13
4. Nộp thuế····· 15
5. Tư vấn về tư cách lưu trú, v.v… ····· 17

5. Phòng chống thiên tai 19

1. Chuẩn bị ứng phó thiên tai····· 19
2. Thông tin thiên tai và lánh nạn····· 19
3. Nếu động đất xảy ra ····· 21
4. Nếu có bão hoặc mưa lớn····· 23

6. Học tiếng Nhật 25

1. Tư vấn về việc học tiếng Nhật ····· 25

7. Thông tin đa ngôn ngữ của UBND thành phố 25

1. Tạp chí thông tin đa ngôn ngữ “Ayase Today”····· 25
2. “Bản tin cộng đồng Ayase” bản đa ngôn ngữ ····· 25

目次

１　緊急のとき　2

1　事故や犯罪にあったら「１１０」に電話・・・・・・・2
2　急病やひどいケガをしたら「１１９」に電話・・・・・2
3　火事が起きたら「１１９」に電話・・・・・・・・・・4
4　住宅用火災警報器が鳴ったら・・・・・・・・・・・・4

２　病気・ケガ　6

1　病院に行く・・・・・・・・・・・・・・・・・・・・6
2　病院での通訳　（綾瀬市の医療用３者通話サービス）・・6

３　市役所の通訳サービス　8

1　外国語通訳コールセンター・・・・・・・・・・・・・8
2　市役所での通訳・・・・・・・・・・・・・・・・・・8

４　くらし　10

1　ごみの出し方・・・・・・・・・・・・・・・・・・・ 10
2　自治会に入りましょう・・・・・・・・・・・・・・・ 12
3　生活のルールとマナー・・・・・・・・・・・・・・・ 14
4　納税・・・・・・・・・・・・・・・・・・・・・・・ 16
5　在留資格などの相談・・・・・・・・・・・・・・・・ 18

５　防災　20

1　災害に備えよう・・・・・・・・・・・・・・・・・・ 20
2　災害の情報や避難・・・・・・・・・・・・・・・・・ 20
3　地震が起きたら・・・・・・・・・・・・・・・・・・ 22
4　台風や大雨がきたら・・・・・・・・・・・・・・・・ 24

６　日本語学習　26

1　日本語の学習の相談・・・・・・・・・・・・・・・・ 26

７　市役所の多言語情報　26

1　多言語情報誌「あやせトゥデイ」・・・・・・・・・・ 26
2　多言語版「広報あやせ」・・・・・・・・・・・・・・ 26

1. Trường hợp khẩn cấp

1-1. Gọi đến số "110" nếu gặp tai nạn hay tội phạm

Nếu gây tai nạn giao thông, hay bị tai nạn giao thông, hãy gọi đến số "110"
Nếu gặp hay nhìn thấy tai nạn, tội phạm, cũng hãy gọi điện. <24 giờ>
Cảnh sát sẽ đến ngay lập tức.
Nếu có người bị thương thì cũng gọi đến số "119".

Cách gọi đến số "110" <Có thể hiểu được cả tiếng nước ngoài>



(1)Ấn "110"
(2) Hãy nói rõ đó là vụ việc gì, và nó xảy ra khi nào, ở đâu.
(3) Nói tên của mình.
(4) Tắt điện thoại.
(5) Chờ ở nơi an toàn cho đến khi cảnh sát đến.

Đừng vội vàng mà hãy nói một cách bình tĩnh và rõ ràng các nội dung: "Khi nào", "Ở đâu", "Vụ việc gì".

Khi bị tai nạn, dù lúc đó bạn thấy mình không bị thương nhưng có thể sau đó mới phát hiện bị thương. Nếu bị tai nạn giao thông, hãy đi đến bệnh viện một lần.

1-2. Gọi đến số "119" nếu bị bệnh cấp cứu hay bị thương nặng

Gọi đến số "119" nếu bị thương nặng hay bị bệnh cấp cứu. <24 giờ>
Xe cấp cứu sẽ đến ngay lập tức.

Cách gọi đến số "119" <Hiểu được cả tiếng nước ngoài>



(1) Ấn số "119".
(2) Nói "Kyukyu desu" (Cấp cứu).
(3) Nói địa chỉ cần xe cấp cứu đến
(4) Nói tình trạng thương tích, bệnh tật.
(5) Nói họ tên.
(6) Tắt điện thoại.
(7) Khi nghe thấy tiếng còi xe cấp cứu, đi ra đón xe để dẫn đường.

Đừng vội vàng mà hãy nói một cách bình tĩnh và rõ ràng các nội dung: "Cần xe cấp cứu đến đâu", "Họ tên của mình".

- Trường hợp bạn không bị thương nặng hoặc bệnh cấp cứu, hay trường hợp bạn thấy rằng "Đi xe cấp cứu sẽ tiện", "Thuốc bệnh viện phát cho đã bị hết", "Không biết đi đến bệnh viện nào", hãy tự đi đến bệnh viện. ⇒ trang 6
- Việc vận chuyển đến bệnh viện là miễn phí, tuy nhiên chi phí điều trị tại bện viện sẽ do bạn tự chi trả. Hãy chuẩn bị thẻ bảo hiểm y tế và khoản tiền cần thiết.

1　緊急のとき

1-1　事故や犯罪にあったら「１１０」に電話

交通事故を起こしたり、交通事故にあったりしたときは
「**１１０**」に電話します。
事件や犯罪にあったり、見たときも電話します。〈24 時間〉
すぐに警察が向かいます。
ケガをした人がいるときは「１１９」にも電話します。

「１１０」に電話をかける方法〈外国語も通じます〉



①「**１１０**」を押します。
② いつ、どこで、なにが起きたか伝えます。
③ 名前を伝えます。
④ 電話を切ります。
⑤ 警察が来るまで安全な場所で待ちます。

あわてないで、ゆっくり、はっきりと「いつ」「どこで」「なにが起きたか」「自分の名前」を伝えてください。

事故のときは、ケガをしていないと思っても後でケガが分かるときがあります。交通事故にあったら、一度病院に行きましょう。

1-2　急病やひどいケガをしたら「１１９」に電話

ひどいケガや急病になったら「**１１９**」に電話します。〈24 時間〉
すぐに救急車が向かいます。

「１１９」に電話をかける方法〈外国語も通じます〉



①「**１１９**」を押します。
②「kyūkyū desu」（救急です。）と言います。
③ 救急車に来てほしい住所を伝えます。
④ ケガや病気の症状を伝えます。
⑤ 名前を伝えます。
⑥ 電話を切ります。
⑦ 救急車のサイレンが聞こえたら道案内のために迎えに出ます。

あわてないで、ゆっくり、はっきりと「救急車に来てほしい場所」「自分の名前」を伝えてください。

・「便利だから」「病院でもらった薬がなくなった」「どの病院に行けばよいか分からない」などひどいケガや急病でない場合は、自分で病院に行きましょう。⇒６ページ
・病院までの搬送は無料ですが、病院での治療費は自己負担です。健康保険証や必要なお金を用意してください。

1. Trường hợp khẩn cấp

1-3. **Gọi đến số "119" khi xảy ra hỏa hoạn**

Hãy gọi đến số "**119**" khi xảy ra hỏa hoạn. <24 giờ>
Xe cứu hỏa sẽ đến ngay lập tức.

Cách gọi đến số "119" (Hiểu được cả tiếng nước ngoài)

(1) Ấn số "**119**".
(2) Nói "kaji desu" (Có cháy)
(3) Nói nơi xảy ra cháy.
(4) Nói họ tên.
(5) Tắt điện thoại.



Đừng vội vàng mà hãy nói một cách bình tĩnh và rõ ràng các nội dung: "Nơi xảy ra cháy", "Họ tên của mình".

1-4. **Nếu chuông báo cháy của khu dân cư kêu**

Bạn có thể xem ấn phẩm hướng dẫn qua mã QR ở bên phải.

- Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung Quốc, tiếng Hangul

1　緊急のとき

1-3　火事が起きたら「１１９」に電話

火事がおきたら「**１１９**」に電話します。〈24 時間〉
すぐに消防車が向かいます。

「１１９」に電話をかける方法〈外国語も通じます〉
①「**１１９**」を押します。
②「kaji desu」（火事です。）と言います。
③ 火事の場所を伝えます。
④ 名前を伝えます。
⑤ 電話を切ります。



あわてないで、ゆっくり、はっきりと
「火事の場所」「自分の名前」を伝えてください。

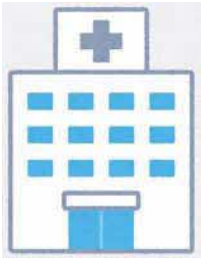
1-4　住宅用火災警報器が鳴ったら

右のＱＲコードからパンフレットが読めます。

・対応言語　英語、ベトナム語、ポルトガル語、
　　スペイン語、中国語、韓国語

2. Bệnh tật/thương tích

2-1. **Đi đến bệnh viện**



Tùy vào loại bệnh hay thương tích mà bệnh viện bạn đến khám sẽ khác. Khi đi đến bện viện, bạn cần có thẻ bảo hiểm, thẻ lưu trú, tiền. Nếu không có thẻ bảo hiểm thì bạn sẽ phải tự thanh toán toàn bộ chi phí. Không được mượn hay cho người khác mượn thẻ bảo hiểm y tế.

Nếu bị thương nặng hay bị bệnh cấp cứu, hãy gọi đến số “119” <24 giờ> ⇒ trang 1

2-2. **Phiên dịch tại bệnh viện (Dịch vụ cuộc gọi 3 bên của y tế thành phố Ayase)**

Tại địa điểm (1) (2), bạn có thể được phiên dịch qua màn hình tivi (máy tính bảng).

- Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, iếng Trung Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Tagalog, tiếng Hangul, tiếng Thái, v.v…

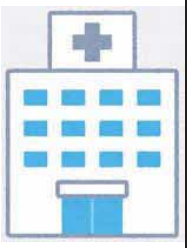
(1) Tư vấn về sức khỏe
- Ban xúc tiến tạo dựng sức khỏe thành phố Ayase (Bên trong tòa nhà Trung tâm Y tế và Phúc lợi, 4-7-10 Fukayanaka)

(2) Bệnh viện
- Bệnh viện Ayase Kosei (1-4-16 Fukayanaka)
- Phòng khám vào ngày nghỉ Ayase (bên trong tòa nhà Trung tâm Y tế và Phúc lợi)

Nếu có gì chưa rõ, hãy gọi đến Tổng đài phiên dịch tiếng nước ngoài theo số **0467-70-5682** để hỏi.

2　病気・ケガ

2-1　病院に行く



病気やケガの種類によって、受診する病院が変わります。病院に行くときは、保険証、在留カード、お金がいります。保険証がない人は、お金を全部自分で払います。保険証は他の人に貸しても借りてもいけません。

もしもひどいケガをしたときや急病の場合はすぐ「１１９」に電話します。〈24 時間〉⇒２ページ

2-2　病院での通訳（綾瀬市の医療用３者通話サービス）

①②の場所では、テレビ通訳（タブレット）が利用できます。

・対応言語　英語、ベトナム語、ポルトガル語、中国語、
　　スペイン語、タガログ語、韓国語、タイ語など

①健康相談
・綾瀬市健康づくり推進課（深谷中 4-7-10 保健福祉プラザ内）

②病院
・綾瀬厚生病院（深谷中 1-4-16）
・綾瀬休日診療所（保健福祉プラザ内）

分からないことは、外国語通訳コールセンター（０４６７-７０-５６８２）で聞いてください。〈外国語で話せます〉

3. Dịch vụ phiên dịch tại UBND thành phố

3-1. **Tổng đài phiên dịch tiếng nước ngoài**

Phiên dịch (nhân viên) sẽ kết nối đến bộ phận phụ trách của UBND thành thố, và bạn sẽ có thể cứ vậy nói chuyện qua phiên dịch.

- Số điện thoại **0467-70-5682**
- Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung, Tiếng Tagalog, tiếng Hangul, tiếng Thái
- Thời gian hỗ trợ: Từ 8 giờ 30 đến 17 giờ ngày thường (trừ ngày lễ)

Cách gọi điện đến Tổng đài phiên dịch tiếng nước ngoài
(1) Ấn số **0467-70-5682**
(2) Báo ngôn ngữ của bạn.
(3) Phiên dịch cho ngôn ngữ đó sẽ nghe máy.
(4) Bạn sẽ có thể nói chuyện 3 bên gồm bạn, phiên dịch và cán bộ công chức của thành phố.

Ví dụ, hãy gọi điện vào những lúc thế này.
“Không hiểu nội dung của thư do UBND thành phố gửi đến”
“Muốn biết các thủ tục cần thiết khi khi sinh con”
“Muốn biết về tiêm phòng cho trẻ, trường học”
“Muốn biết về bảo hiểm sức khỏe quốc dân”, v.v…

3-2. **Phiên dịch tại UBND thành phố** (Tòa nhà cơ quan hành chính: 550 Hayakawa, thành phố Ayase)

➢ Tại quầy đón tiếp của UBND thành phố, bạn có thể được phiên dịch qua màn hình tivi.
- Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Tagalog, tiếng Hangul, tiếng Thái
- Thời gian hỗ trợ: Từ 8 giờ 30 đến 17 giờ ngày thường (trừ ngày lễ)

➢ Vào những ngày cố định trong tháng, có cả phiên dịch tại quầy đón tiếp.
- Ngôn ngữ hỗ trợ: 2 lần 1 tháng: Tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha
  1 lần 1 tháng: Tiếng Anh, tiếng Việt
- Để biết ngày nào có phiên dịch, hãy gọi điện đến Tổng tài trung tâm cuộc gọi phiên dịch tiếng nước ngoài theo số **0467-70-5682** để hỏi. <Có thể nói được tiếng nước ngoài>

Cách thức để được phiên dịch qua màn hình tại quầy tiếp đón UBND thành phố
(1) Đi đến “Ban xúc tiến hoạt động cư dân thành phố” quầy tiếp đón số 1 ở tầng 2 UBND thành phố Ayase.
(2) Báo ngôn ngữ của bạn.
(3) Tại màn hình tivi phiên dịch (máy tính bảng), sẽ có phiên dịch cho ngôn ngữ đó xuất hiện.
(4) Bạn sẽ có thể nói chuyện 3 bên gồm bạn, phiên dịch và cán bộ công chức của thành phố.

3　市役所の通訳サービス

3-1　外国語通訳コールセンター

通訳者（オペレーター）が市役所の担当部署へつなぎ、そのまま通訳者を交えて通話ができます。

・電話番号　０４６７-７０-５６８２

・対応言語　英語、ベトナム語、ポルトガル語、スペイン語、中国語、タガログ語、韓国語、タイ語

・対応時間　平日　８時３０分～１７時（祝日除く）

外国語通訳コールセンターに電話をかける方法
① ０４６７-７０-５６８２ を押します。
② あなたの言語を伝えます。
③ その言語の通訳者が電話にでます。
④ あなたと通訳者と市職員との３人で話せます。



たとえば、こんなときに電話してください。
『市役所から手紙が届いたが内容が分からない』
『子どもが生まれたら必要な手続きを知りたい』
『子どもの予防接種のことや、学校のことを知りたい』
『国民健康保険のことを知りたい』　など

3-2　市役所での通訳（本庁舎：綾瀬市早川５５０）

➢ 市役所窓口では、テレビ通訳が利用できます。

・対応言語　英語、ベトナム語、ポルトガル語、中国語、スペイン語、タガログ語、韓国語、タイ語
・対応時間　平日　８時３０分～１７時（祝日除く）

➢ 毎月決まった日に、窓口に通訳者もいます。
・対応言語　月２回　ポルトガル語、スペイン語
　　月１回　英語、ベトナム語
・通訳者がいる日は、外国語通訳コールセンター（０４６７-７０-５６８２）で聞いてください。〈外国語で話せます〉

市役所窓口でテレビ通訳を使う方法
① 綾瀬市役所の２階１番窓口「市民活動推進課」に行きます。
② あなたの言語を伝えます。
③ テレビ通訳（タブレット）でその言語の通訳者がでます。
④ あなたと通訳者と市職員との３人で話せます。

4. Đời sống

4-1. **Cách vứt rác**

Đối với rác sinh hoạt, hãy vứt tại địa điểm và thời gian theo quy định của thành phố.
Có nhiều loại rác khác nhau, có quy định về ngày trong tuần và cách vứt đối với mỗi loại rác.

Nếu bạn vứt rác không theo quy định thì rác sẽ không được thu gom.

Vui lòng đọc **"Hướng dẫn phân loại, cách vứt rác tái chế và rác thông thường"** để biết quy định về cách vứt rác

- **"Hướng dẫn phân loại, cách vứt rác tái chế và rác thông thường"** đã được dịch sang tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Lào, tiếng Trung Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Tagalog, tiếng Hangul, tiếng Thái.
- Hãy vứt rác từ 7 giờ sáng đến 8 giờ 30 phút vào các ngày trong tuần theo quy định.
- Khu vực nơi bạn sinh sống sẽ quy định nơi vứt rác và ngày trong tuần được vứt rác. Hãy đọc **"Hướng dẫn phân loại, cách vứt rác tái chế và rác thông thường".**
- Đối với rác quá khổ như đồ gia dụng, v.v…hãy đăng ký để được thu gom theo từng nhà, hoặc mang đến trung tâm tái chế.
- Nếu có gì không hiểu, hãy gọi đến Tổng đài phiên dịch tiếng nước ngoài theo số **0467-70-5682** để hỏi. <Có thể nói bằng tiếng nước ngoài>

Hãy đánh dấu ○ vào những ngày trong tuần mà bạn vứt rác của gia đình mình.

Thứ	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy
Rác cháy được (rác thải nấu ăn, thức ăn thừa, v.v…)						
Rác tái chế (lon, bình, chai nhựa PET, giấy, v.v…)						
Nhựa Dấu này là ký hiệu→						

4　くらし

4-1 ごみの出し方

家庭のごみは、市で決められた日時に、決められた場所へ出しましょう。
ごみには種類があり、種類ごとに出す曜日や出し方が決まっています。
ルールを守らずに出されたごみは収集されません。

ごみの出し方などのルールは**「資源とごみの分け方・出し方ガイド」**を読んでください。

・**「資源とごみの分け方・出し方ガイド」**は
英語、ベトナム語、ポルトガル語、ラオス語、
中国語、スペイン語、タガログ語、韓国語、
タイ語に翻訳しています。
・ごみは、決められた曜日の朝７時から８時３０分までに出してください。
・ごみを出す曜日やごみを出す場所は、住んでいる地域ごとに決まっています。**「資源とごみの分け方・出し方ガイド」**を読んでください。
・家具などの粗大ごみは、申込みによる戸別収集かリサイクルプラザに持ち込んでください。
・分からないことは外国語通訳コールセンター（０４６７−７０−５６８２）で聞いてください。〈外国語で話せます〉

自分の家のごみを出す曜日に ○を書きましょう。

曜日	月曜日	火曜日	水曜日	木曜日	金曜日	土曜日
可燃ごみ （調理くず，残飯など）						
資源ごみ （缶，瓶，ペットボトル，紙など）						
プラスチック このマークが目印→						

4. Đời sống

4-2. **Gia nhập Hội tự quản**

Đây là nhóm cư dân gồm những người sống trong cùng một khu vực tập trung lại và tiến hành các hoạt động. Việc tham gia hay không là tùy ý, nhưng hãy xem trọng việc kết nối với người dân địa phương trong sinh hoạt hàng ngày để có thể giúp đỡ lẫn nhau khi xảy ra thiên tai hay khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hội tự quản có các hoạt động như sau!

- ◆ Cung cấp thông tin (Thông tin của khu vực được thông báo trên bảng thông tin, v.v…)
- ◆ Giao lưu giữa các cư dân với nhau (lễ hội mùa hè, v.v...)
- ◆ Chuẩn bị ứng phó thiên tai (tập huấn phòng chống thiên tai, v.v…)
- ◆ Bảo vệ an toàn cho khu vực (hoạt động an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, v.v…)
- ◆ Hoạt động làm sạch đẹp khu vực (Quản lý và dọn dẹp nơi thu gom rác, v.v…)

Cách thức tham gia Hội tự quản

(1) Gọi đến Tổng đài phiên dịch tiếng nước ngoài theo số **0467-70-5682** hoặc đi đến “Ban xúc tiến hoạt động cư dân thành phố” quầy tiếp đón số 1 ở tầng 2 UBND thành phố Ayase.

(2) Bạn sẽ được thông báo thông tin liên lạc của hội trưởng Hội tự quản khu vực của bạn.
Bạn sẽ được phát “Đơn xin tham gia Hội tự quản”.

(3) Hãy liên hệ đến hội trưởng Hội tự quản để đăng ký tham gia.

- Có thể in “Đơn xin tham gia Hội tự quản” từ trang chủ thành phố.

Ngôn ngữ bản dịch: Tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Lào, tiếng Trung Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Tagalog, tiếng Khmer, tiếng Hangul, tiếng Thái





4　くらし

4-2 自治会に入りましょう

同じ地域に住んでいる人たちが集まって活動している住民団体です。入るか入らないかは自由ですが、災害が起こったときや暮らしのなかで困ったときに助け合えるように、日ごろから地域の人とのつながりを大切にしましょう。

自治会ではこんな活動をしています！

◆情報の提供（地域の情報を回覧板などで伝えます）
◆住民同士の交流（夏祭りなど）
◆災害に備える（防災訓練など）
◆地域の安全を守る（交通安全や防犯の活動など）
◆地域の美化活動（ごみ収集所の管理や掃除など）

自治会に入る方法
① 外国語通訳コールセンター（０４６７-７０-５６８２）に電話するか綾瀬市役所の２階１番窓口「市民活動推進課」に行きます。
② あなたの地域の自治会長の連絡先をお伝えします。
『自治会の加入申込書』を渡します。
③ 自治会長に連絡して加入申し込みをしてください。

・『自治会加入申込書』は市ホームページから印刷できます。

翻訳言語　英語、ベトナム語、ポルトガル語、ラオス語、中国語、スペイン語、タガログ語、クメール語、韓国語、タイ語





4. Đời sống

4-3. **Quy tắc và lối sống**

Hãy tuân thủ quy tắc và lối sống ở Nhật.
Nếu có gì chưa hiểu, hãy hỏi những người xung quanh.
Hãy xem trọng việc kết nối với người dân địa phương trong sinh hoạt hàng ngày để có thể giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn trong cuộc sống

● Tiếng ồn

- Hãy giữ yên lặng vào ban đêm. Chú ý không gây tiếng ồn ở các bữa tiệc giống như khi ở đất nước mình. Ngoài ra, khi chơi nhạc cụ, hãy chú ý đến mức độ âm thanh phát ra.

- Nếu người ở phòng khác gây ồn ào, hãy liên hệ với đại lý bất động sản hoặc chủ nhà.

● Quy tắc sống

- Các khu vực dùng chung như hành lang, cầu thang của chung cư hoặc khu căn hộ chính là lối thoát hiểm khi xảy ra động đất hoặc hỏa hoạn. Không để rác, chậu hoa, xe đạp, v.v...hay bất cứ thứ gì ở đó. Nếu đặt đồ vật ở những khu vực đó, bạn sẽ bị Cục cảnh sát phòng cháy chữa cháy nhắc nhở.

- Đường đi thuộc về mọi người. Để xe của bạn vào bãi đỗ xe. Nếu đỗ xe trên đường, bạn sẽ bị cảnh sát nhắc nhở.



4　くらし

4-3 生活のルールとマナー

日本のルールやマナーを守って生活しましょう。
分からないことは、周りの人に聞きましょう。
暮らしのなかで困ったときに助け合えるように、日ごろから
地域の人とのつながりを大切にしましょう。

●うるさい音

・夜は静かにしましょう。パーティーのとき自分の国と同じように騒がないように気をつけましょう。また、楽器を演奏するときは、音の大きさに注意しましょう。

・他の部屋の人がうるさいときは、不動産店や家主に相談しましょう。

●すまいのルール

・マンションやアパートの廊下や階段などの共用部分は、地震や火事のときに逃げるための道になります。ごみや植木鉢、自転車などの物を置かないようにしましょう。物を置くと消防署からも注意されます。

・道はみんなのものです。車は駐車場に置きましょう。道路に置くと警察からも注意されます。



4. Đời sống

4-4. **Nộp thuế**

Thuế thu nhập của cá nhân được chia thành thuế cư trú và thuế bảo hiểm y tế quốc gia. Người nước ngoài cũng phải nộp thuế như người Nhật.

Nếu bạn không nộp thuế thì

- Phát sinh tiền phạt chậm nộp tính từ ngày liền sau ngày đến hạn nộp cho đến ngày thanh toán.
- Nếu không nộp thuế, bạn có thể bị xử phạt chẳng hạn như bị tịch thu tài sản.
- Bạn có thể không được gia hạn thời gian lưu trú, không được nhập quốc tịch hoặc không được cấp tư cách vĩnh trú.
- Nếu có gì chưa hiểu, vui lòng liên hệ Tổng đài phiên dịch tiếng nước ngoài theo số **0467-70-5682**. <Có thể nói bằng tiếng nước ngoài>

● Thuế cư dân
- Đây là khoản thuế nộp cho tỉnh và thành phố đối với phần thu nhập của năm trước.
- Dù không làm việc trong năm nay, bạn vẫn phải nộp khoản thuế này.
- Tiền thuế phải thanh toán cho tỉnh và thành phố nơi bạn sinh sống vào ngày 1 tháng 1 hàng năm, bất kể bạn thuộc quốc tịch nào.

● Thuế bảo hiểm y tế quốc gia
- Đây là khoản thuế mà người đang tham gia Bảo hiểm y tế quốc gia phải nộp cho thành phố.
- Dù không có thu nhập trong năm trước, bạn vẫn phải nộp khoản thuế này.
- Dù không đi bệnh viện, bạn vẫn phải nộp khoản này.
- Người nộp thuế là chủ hộ.

● Thuế thu nhập
- Đây là khoản thuế phải nộp cho quốc gia đối với phần thu nhập từ tháng 1 đến tháng 12 của năm đó.
- Thuế thu nhập của những người đang đi làm thường được tự động khấu trừ vào lương hàng tháng. Nếu bạn là lao động tự do, hãy tự mình khai báo với Cục thuế.

4　くらし

4-4 納税

個人の所得に対する税金は、住民税や国民健康保険税などに分かれます。外国人も日本人と同じく税金を払わなければなりません。

もし、税金を払わなかったら

・期限の次の日から払う日までの長さによって延滞金がかかります。
・払わないままでいると、財産の差し押さえなどの処分を受ける場合があります。
・在留期間の更新が認められなかったり帰化や永住が認められない場合があります。
・分からないことは外国語通訳コールセンター（０４６７-７０-５６８２）で聞いてください。〈外国語で話せます〉

●住民税
・前年の所得に対して、県と市に払う税金です。
・もし、今年働いていなくても税金を支払う必要があります。
・国籍にかかわらず、毎年１月１日に住んでいる県と市に払います。

●国民健康保険税
・国民健康保険に加入している人が市に払う税金です。
・前年に所得がなくても支払う必要があります。
・もし、病院に行かなくても支払う必要があります。
・納税義務者は、世帯主です。

●所得税
・その年の１月から 12 月までの所得に対して、国に払う税金です。
・勤めている人の所得税は、ふつう毎月の給料から自動的に引かれます。自営業などの人は自分で税務署に申告してください。

4. Đời sống

4-5. **Tư vấn về tư cách cư trú, v.v...**

Tại Cục quản lý xuất nhập cảnh (Cục quản lý xuất nhập cảnh Nhật Bản) có **"Trung tâm thông tin cư trú tổng hợp dành cho người nước ngoài"**. Trung tâm sẽ giải đáp các thắc mắc về thủ tục xuất nhập cảnh (những việc bạn phải làm khi đến Nhật Bản) và thủ tục cư trú (những việc bạn phải làm để ở lại Nhật Bản).
Bạn có thể liên hệ để được tư vấn qua điện thoại hoặc email.

Liên hệ để được tư vấn và hỏi qua điện thoại

Bạn có thể liên hệ để được tư vấn bằng cách gọi điện thoại đến **"Trung tâm thông tin cư trú tổng hợp dành cho người nước ngoài"**.

- Điện thoại: **0570-013904**

- Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung Quốc, tiếng Tagalog, tiếng Khmer, tiếng Hangul, tiếng Thái, tiếng Indonesia, tiếng Sinhala, v.v...

- Thời gian hỗ trợ: Từ 8 giờ 30 đến 17 giờ 15 ngày thường (trừ ngày lễ)

Liên hệ để được tư vấn và hỏi qua email

Bạn có thể liên hệ để được tư vấn bằng cách gửi mail đến **"Trung tâm thông tin cư trú tổng hợp dành cho người nước ngoài"**.

- Email: info-tokyo@i.moj.go.jp

- Ngôn ngữ hỗ trợ: Hãy viết bằng tiếng Nhật hoặc tiếng Anh.



4　くらし

4-5 在留資格などの相談

入管（出入国在留管理局）に『**外国人在留総合インフォメーションセンター**』があります。入国手続（日本に来るときにしなければならないこと）や在留手続（日本にいるためにしなければならないこと）などでわからないことがあるときに、質問に答えます。
電話やメールで相談できます。

電話での相談や質問

『**外国人在留総合インフォメーションセンター**』への電話で相談ができます。

・電話番号　**０５７０-０１３９０４**

・対応言語　英語、ベトナム語、ポルトガル語、スペイン語、中国語、タガログ語、クメール語、韓国語、タイ語、インドネシア語、シンハラ語など

・対応時間　平日　８時３０分～１７時１５分（祝日除く）

メールでの相談や質問

『**外国人在留総合インフォメーションセンター**』へメールで相談や質問ができます。

・メールアドレス　info-tokyo@i.moj.go.jp

・対応言語　日本語か英語で書いてください。



5. Phòng chống thiên tai

5-1. **Chuẩn bị ứng phó thiên tai**

Nhật Bản là quốc gia thường xuyên xảy ra **động đất.**
Ngoài ra, từ tháng 8 đến tháng 10 những **cơn bão** sẽ xuất hiện.
Bão mang theo gió mạnh và mưa lớn.

Cần xác nhận trước điểm lánh nạn gần nhà và cách thức liên lạc với gia đình trong trường hợp xảy ra thiên tai. Ngoài ra, hãy chuẩn bị sẵn nước và thức ăn.

5-2**. Thông tin thiên tai và lánh nạn**

- Khi nguy cơ xảy ra thiên tai tăng cao, chính phủ hoặc thành phố sẽ đưa ra các cảnh báo và lệnh sơ tán.
- Lệnh sơ tán và việc mở cửa các cơ sở lánh nạn sẽ được thông báo trên trang chủ của thành phố và “Hộp thư an toàn-an tâm Ayase”.
- Nếu có gì chưa hiểu, vui lòng liên hệ Tổng đài phiên dịch tiếng nước ngoài theo số **0467-70-5682**. <Có thể nói bằng tiếng nước ngoài>

◆ Dịch vụ chuyển thư “Hộp thư an toàn-an tâm Ayase” của Thành phố Ayase chuyển phát thông tin thiên tai và hướng dẫn sơ tán trong thành phố đến địa chỉ thư mà người dân đã đăng ký bằng nhiều ngôn ngữ.

Cách thức đăng ký “Hộp thư an toàn-an tâm Ayase”

- Gửi email trống đến địa chỉ đăng ký từ mã QR bên phải. Hãy đăng ký trước khi thiên tai xảy ra.

- Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung, tiếng Hangul, tiếng Nhật đơn giản, v.v...

◆ Bạn có thể kiểm tra thông tin thiên tai mới nhất bằng nhiều ngôn ngữ trên trang tin tức của NHK là “NHK WORLD-JAPAN”.

- Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, Tiếng Việt, Tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung, tiếng Hangul, tiếng Thái, tiếng Indonesia, v.v...

5　防災

5-1 災害に備えよう

日本は**地震**がとても多い国です。
また、８月～１０月ころには**台風**がきます。
台風は強い風と大雨をもたらします。

日ごろから、家の近くの避難所や家族との連絡方法を確認しておきましょう。また、水や食べ物を準備しておきましょう。

5-2 災害の情報や避難

・災害発生の危険性が高まると、警報や避難指示が国や市から出ます。
・避難指示や避難所の開設などは市のホームページや「あやせ安全・安心メール」などで知らせます。
・分からないことは外国語通訳コールセンター（０４６７-７０-５６８２）で聞いてください。〈外国語で話せます〉

◆綾瀬市のメール配信サービス「あやせ安全・安心メール」は市内の災害情報や避難指示などを、市民が登録したメールアドレスに多言語で配信します。
「あやせ安全・安心メール」の登録方法
・右のＱＲコードから登録用アドレスに空メールを送信します。災害が起きる前に登録しましょう。

・対応言語　英語、ベトナム語、ポルトガル語、スペイン語、中国語、韓国語、やさしい日本語など

◆ＮＨＫのニュースサイト『NHK WORLD-JAPAN』では最新の災害情報を多言語で確認することができます。

・対応言語　英語、ベトナム語、ポルトガル語、スペイン語、中国語、韓国語、タイ語、インドネシア語など

5. Phòng chống thiên tai

5-3. **Nếu động đất xảy ra**

Nếu xảy ra động đất, trước tiên hãy hành động thật bình tĩnh.

(1) Khi đang rung lắc

- Bảo vệ bản thân bằng cách chui vào gầm bàn, v.v...

(2) Khi rung lắc đã ngừng

- Tắt lửa trên bếp.
- Mở cửa ra vào hoặc cửa sổ để tạo ra lối thoát.

(3) Nếu không thể ở lại nhà do nhà bị sập hoặc các lý do khác, bạn sẽ tạm thời đến sống ở "cơ sở lánh nạn thứ nhất" hoặc các địa điểm lánh nạn khác.



- Cơ sở lánh nạn là nhà thể chất của các trường tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn thành phố.
- Hãy sơ tán đến một cơ sở lánh nạn gần nhà.
- Khi sơ tán khỏi nhà, nhớ đóng van gas chính và tắt cầu dao điện để đề phòng hỏa hoạn.

(4) Khi nguy hiểm qua đi, hãy trở về nhà của bạn.

Cơ sở lánh nạn thứ nhất (nhà thể chất của trường tiểu học và trung học cơ sở)

Tên cơ sở	Tên cơ sở	Tên cơ sở	Tên cơ sở
Trường tiểu học Ayase	5-1-1 Fukayanaka	Trường tiểu học Soen	420 Kozono
Trường trung học cơ sở Ayase	2-3-1 Fukaya Minami	Trường trung học cơ sở Shiroyama	2230 Hayakawa
Trường trung học cơ sở Ryohoku	4-4-1 Fukayakami	Trường tiểu học Ryosei	1-2-1 Ryosei
Trường tiểu học Kitanodai	9-14-1 Ogami	Trường trung học cơ sở Kasugadai	393-1 Yoshioka
Trường trung học cơ sở Kitanodai	1-2-1 Tatekawa	Trường tiểu học Ochiai	3-10-1 Ochiai Kita
Trường tiểu học Tendai	1-3-1 Teraodai	Trường tiểu học Ryonan	1-12-19 Kamitsuchidana Naka
Trường tiểu học Terao	1-3-1 Terao Minami	Trường tiểu học Tsuchidana	6-1-1 Kamitsuchidana Minami
Trường tiểu học Ryohoku	3-10-1 Teraohoncho		

- Cơ sở lánh nạn thứ nhất sẽ được mở cửa sau khi có thiên tai như động đất, v.v...xảy ra.
- Sơ tán là hành động thoát khỏi nơi có nguy cơ xảy ra thiên tai đến nơi an toàn. Ngoài các địa điểm lánh nạn, hãy chuẩn bị sẵn một vài nơi có thể tự bảo vệ bản thân, chẳng hạn như tầng hai của nhà bạn hoặc nhà của người thân, người quen.



5　防災

5-3 地震が起きたら

地震が起きたら、まずは落ち着いて行動しましょう。



①ゆれているとき
・テーブルの下などに入って身を守ります。
②ゆれが止まったら
・コンロの火を消す。
・扉や窓を開けて、逃げる道をつくります。
③家の倒壊などで、自宅で生活できなくなったら、一時的に「一次避難所」などで避難生活を送ります。
・避難所は市内の小中学校の体育館などです。
・**自宅近くの避難所に避難してください。**
・自宅から避難するときは、火事などを防ぐため、ガスの元栓を閉め、電気のブレーカーを落とします。
④危険がなくなったら、自宅に戻ります。

一次避難所（小中学校体育館など）

名称	所在地	名称	所在地
綾瀬小学校	深谷中 5-1-1	早園小学校	小園 420
綾瀬中学校	深谷南 2-3-1	城山中学校	早川 2230
綾北中学校	深谷上 4-4-1	綾西小学校	綾西 1-2-1
北の台小学校	大上 9-14-1	春日台中学校	吉岡 393-1
北の台中学校	蓼川 1-2-1	落合小学校	落合北 3-10-1
天台小学校	寺尾台 1-3-1	綾南小学校	上土棚中 1-12-19
寺尾小学校	寺尾南 1-3-1	土棚小学校	上土棚南 6-1-1
綾北小学校	寺尾本町 3-10-1		

・一次避難所は地震などの災害の発生後に開設されます。
・避難とは、災害の危険がある所から安全な場所へ逃げることです。避難所だけでなく、自宅の２階や、親族・知人の家など、自分の身を守ることができる場所を日ごろから確認しておきましょう。



5. Phòng chống thiên tai

5-4. **Nếu có bão hoặc mưa lớn**

(1) Luôn kiểm tra thông tin thời tiết mới trên TV.
- Tránh xa sông và vách đá bị ngập lụt.
- Khi trời có mưa to gió lớn, không ra ngoài, hãy ở trong một tòa nhà an toàn chẳng hạn như nhà của bạn.

(2) Khi thành phố phát "lệnh sơ tán" hoặc khi ngôi nhà bạn đang ở gặp nguy hiểm, hãy di chuyển đến "cơ sở lánh nạn khi xảy ra bão lụt" hoặc địa điểm lánh nạn khác một cách thận trọng.
- Cơ sở lánh nạn khi xảy ra bão lụt được thiết định tại các Tòa nhà Hội tự quảntrong thành phố.
- Hãy sơ tán đến một cơ sở lánh nạn gần nhà.
- Khi sơ tán khỏi nhà, nhớ đóng van gas chính và tắt cầu dao điện để đề phòng hỏa hoạn.

(3) Khi nguy hiểm qua đi, hãy trở về nhà của bạn.



Cơ sở lánh nạn khi xảy ra bão lũ (Các tòa nhà Hội tự quản, v.v...)

Tên cơ sở	Địa chỉ	Tên cơ sở	Địa chỉ
Tòa nhà Hội tự quản Ochiai	6-1-46 Ochiai Minami	Tòa nhà Hội tự quản Yoshioka	2316-10 Yoshioka
Tòa nhà Hội tự quản Nakamura	5-23-35 Fukayanaka	Tòa nhà Hội tự quản Ryosei	2-11-14 Ryosei
Tòa nhà Hội tự quản Tatekawa	2-11-33 Tatekawa	Tòa nhà Hội tự quản Kamitsuchidana	4-7-47 Kamitsuchidana Kita
Tòa nhà Hội tự quản Ogami	5-9-41 Ogami	Hội trường phúc lợi người cao tuổi	1-3-1 Fukayanaka
Tòa nhà Hội tự quản Terao Minami	2-3-16 Terao Minami	Hội trường trẻ em Terao	2-2-1 Terao Kita
Tòa nhà Hội tự quản Terao Ryohoku	2-7-3 Teraohoncho	Hội trường Nanbu Fureai	1-5-10 Kamitsuchidana Minami
Tòa nhà Hội tự quản Terao Tendai	1-12-15 Teraodai	Hội trường võ thuật trường trung học cơ sở Shiroyama	2230 Hayakawa
Tòa nhà Hội tự quản Kozono	Kozono 398-1		

- Cơ sở lánh nạn khi xảy ra bão lụt sẽ được mở cửa trước khi thiên tai xảy ra để sơ tán trước.
- Sơ tán là hành động thoát khỏi nơi có nguy cơ xảy ra thiên tai đến nơi an toàn. Ngoài các địa điểm lánh nạn, hãy chuẩn bị sẵn một vài nơi có thể tự bảo vệ bản thân, chẳng hạn như tầng hai của nhà bạn hoặc nhà của người thân quen.

5　防災

5-4 台風や大雨がきたら

①テレビなどで常に新しい気象情報を確認してください。
・水の多くなった川やがけには近づかないようにしましょう。
・雨や風が強いときには、外に出ないで、家などの安全な建物にいましょう。
②市から「避難指示」などが出たときや、家が危険なときは、十分注意して「風水害時避難所」などに行きましょう。
・風水害時避難所は市内の自治会館などです。
・**自宅近くの避難所に避難してください。**
・自宅から避難するときは、火事などを防ぐため、ガスの元栓を閉め、電気のブレーカーを落とします。
③危険がなくなったら、自宅に戻ります。



風水害時避難所（自治会館など）

名称	所在地	名称	所在地
落合自治会館	落合南 6-1-46	吉岡自治会館	吉岡 2316-10
中村自治会館	深谷中 5-23-35	綾西自治会館	綾西 2-11-14
蓼川自治会館	蓼川 2-11-33	上土棚自治会館	上土棚北 4-7-47
大上自治会館	大上 5-9-41	高齢者福祉会館	深谷中 1-3-1
寺尾南自治会館	寺尾南 2-3-16	寺尾児童館	寺尾北 2-2-1
寺尾綾北自治会館	寺尾本町 2-7-3	南部ふれあい会館	上土棚南 1-5-10
寺尾天台自治会館	寺尾台 1-12-15	城山中学校武道場	早川 2230
小園自治会館	小園 398-1		

・風水害時避難所は事前避難のため、災害発生前に開設されます。
・避難とは、災害の危険がある所から安全な場所へ逃げることです。避難所だけでなく、自宅の２階や、親族・知人の家など、自分の身を守ることができる場所を日ごろから確認しておきましょう。

Học tiếng Nhật

6. Học tiếng Nhật

6-1. **Tư vấn về việc học tiếng Nhật**

◆ Trang web “Kanagawa de Nihongo” do Tổ chức giao lưu quốc tế Kanagawa điều hành, sẽ giúp bạn tìm kiếm các lớp học tiếng Nhật trong tỉnh.
Chúng tôi cũng có giới thiệu một số trang web hữu ích cho việc học tiếng Nhật.

- Ngôn ngữ bản dịch: Tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Hangul.

◆ Tại “Trung tâm hỗ trợ đa ngôn ngữ Kanagawa” thuộc tỉnh Kanagawa, bạn có thể yêu cầu tư vấn về việc học tiếng Nhật bằng điện thoại.

- Số điện thoại **045-316-2770**

- Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung Quốc, tiếng Tagalog, tiếng Hangul, tiếng Thái, tiếng Indonesia, v.v…

- Thời gian hỗ trợ Từ 9 giờ đến 12 giờ, và từ 13 giờ đến 17 giờ 15 ngày (trừ ngày lễ)

Thông tin đa ngôn ngữ của UNBD thành phố

7. Thông tin đa ngôn ngữ của UBND thành phố

7-1. Tạp chí thông tin đa ngôn ngữ **“Ayase Today”**

Tạp chí được phát hành 3 lần một năm, để truyền tải thông tin đời sống và các thông báo từ tòa thị chính thành phố cho cư dân người nước ngoài.
Bạn cũng có thể xem tạp chí này trên internet.

- Ngôn ngữ bản dịch: Tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Lào, tiếng Trung, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Tagalog, tiếng Hangul, tiếng Thái

7-2. **“Bản tin cộng đồng Ayase”** bản đa ngôn ngữ

Bạn có thể xem “Bản tin cộng đồng Ayase” do thành phố phát hành hai lần một tháng bằng máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng, v.v…

- Ngôn ngữ bản dịch: Tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Lào, tiếng Trung Quốc, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Khmer, tiếng Tagalog (tiếng Philippin), tiếng Hangul, tiếng Thái, tiếng Sinhala, tiếng Tamil

6　日本語学習

6-1 日本語の学習の相談

◆公益財団法人かながわ国際交流財団が運営するサイト「かながわでにほんご」では、県内にある日本語教室を探すことができます。
日本語の勉強に役立つウェブサイトなども紹介しています。

・翻訳言語　英語、ベトナム語、ポルトガル語、中国語、スペイン語、韓国語

◆神奈川県の「多言語支援センターかながわ」では、電話で日本語の学習の相談などができます。

・電話番号　**０４５-３１６-２７７０**

・対応言語　英語、ベトナム語、ポルトガル語、スペイン語、中国語、タガログ語、韓国語、タイ語、インドネシア語など

・対応時間　平日 9 時～12 時、13 時～17 時 15 分（祝日除く）

7　市役所の多言語情報

7-1 多言語情報誌「あやせトゥデイ」

外国人市民に市役所からのお知らせや暮らしの情報を伝えるため、年３回発行しています。
インターネットでも見ることができます。

・翻訳言語　英語、ベトナム語、ポルトガル語、ラオス語、中国語、スペイン語、タガログ語、韓国語、タイ語

7-2 多言語版「広報あやせ」

市が毎月２回発行している「広報あやせ」をパソコン、スマートフォン、タブレットなどで閲覧できます。

・翻訳言語　英語、ベトナム語、ポルトガル語、ラオス語、中国語、スペイン語、クメール語、タガログ語（フィリピン語）、韓国語、タイ語、シンハラ語、タミル語

MEMO

MEMO

Ayase Welcome Pack
Hướng dẫn về đời sống sinh hoạt
cho cư dân người nước ngoài

Ngày phát hành: Tháng 3 năm 2023
Phát hành: Ban xúc tiến hoạt động cư dân thành phố Ayase
550 Hayakawa, thành phố Ayase, tỉnh Kanagawa, 252-1192
Điện thoại: 0467-70-5657 (tiếng Nhật)
0467-70-5682 (tiếng nước ngoài)

あやせウェルカムパック
外国人市民のための生活ガイド

発　行　日　2023 年 3 月
発　　行　綾瀬市市民活動推進課
〒252－1192 神奈川県綾瀬市早川 550 番地
電話　0467－70－5657（日本語）
0467－70－5682（外国語）

<15 điểm cần lưu ý để phòng ngừa hỏa hoạn do động đất>

Để phòng ngừa hỏa hoạn do động đất, ngoài các biện pháp ngăn ngừa phát hỏa như cố định đồ đạc trong nhà để tránh ngã đổ, thúc đẩy phổ biến sử dụng các thiết bị dùng lửa có trang bị tính năng an toàn, v.v..., điều quan trọng là cũng cần có các biện pháp phát hiện sớm và dập tắt đám cháy từ giai đoạn đầu, chẳng hạn như lắp đặt chuông báo cháy trong nhà, trang bị bình chữa cháy gia đình, bình xịt chữa cháy đơn giản, v.v..., và hơn nữa là thúc đẩy các biện pháp phòng cháy chữa cháy trong toàn cộng đồng như tham gia các cuộc diễn tập phòng chống thảm họa của địa phương và các tổ chức phòng chống thảm họa tự nguyện, v.v... Khi thúc đẩy các biện pháp phòng ngừa hỏa hoạn do động đất này, vui lòng tham khảo "15 điểm cần lưu ý để phòng ngừa hỏa hoạn do động đất" sau đây.

○ Các biện pháp dự phòng
1. Đảm bảo ngôi nhà của bạn có khả năng chống chịu động đất
2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa đồ đạc trong nhà bị ngã đổ (cố định đồ đạc)
3. Lắp đặt cầu dao điện cảm biến động đất
4. Giữ khu vực xung quanh các thiết bị sưởi ấm như lò sưởi, v.v... luôn gọn gàng, không đặt các vật dễ cháy gần đó
5. Trang bị bình chữa cháy gia đình, v.v... và xác nhận cách sử dụng
6. Lắp đặt chuông báo cháy trong nhà (thiết bị có tính năng bổ sung như hệ thống báo cháy trong nhà liên động, v.v...)
7. Dán tờ hướng dẫn những việc cần làm ngay sau trận động đất (8 ~ 10) ngay lối ra vào, v.v... từ trước để có thể xác nhận khi sơ tán

○ Những việc cần làm ngay sau trận động đất
8. Trong thời gian mất điện, hãy tắt các thiết bị điện và rút phích cắm ra khỏi ổ điện
9. Kiểm tra xem dầu có bị rò rỉ từ máy sưởi dùng dầu và quạt sưởi hay không
10. Ngắt cầu dao điện khi đi sơ tán

○ Những việc cần làm sau trận động đất qua đi một lúc (khi điện và khí gas được khôi phục, bạn cũng đã từ nơi lánh nạn trở về nhà)
11. Khi sử dụng lại các thiết bị dùng gas, thiết bị điện và thiết bị dùng dầu, hãy đảm bảo rằng các thiết bị này không bị hư hỏng và không có vật dễ cháy nào ở gần đó
12. Sau khi có điện trở lại, hãy chú ý quan sát các thiết bị điện trong một thời gian để xem có dấu hiệu bất thường (khói, mùi khét) nào không

○ Các biện pháp hằng ngày khác
13. Nắm bắt mức độ ảnh hưởng của hỏa hoạn do động đất tại khu vực của bạn
14. Tham gia đội phòng cháy chữa cháy hoặc tổ chức phòng chống thảm họa tự nguyện, v.v...
15. Tham gia các cuộc diễn tập phòng chống thảm họa của địa phương, v.v... để luyện tập thành thạo các kỹ năng ứng phó khi xảy ra thảm họa

≪地震火災を防ぐ１５のポイント≫

地震火災を防ぐためには、家具等の転倒防止や安全装置等を備えた火気器具の普及等を推進するなどの出火防止対策に加え、住宅用火災警報器、住宅用消火器、エアゾール式簡易消火具などの設置といった火災の早期覚知・初期消火対策、さらには地域の防災訓練や自主防災組織への参加など、地域ぐるみの防火対策を推進することが重要です。これらの地震火災対策を推進するに当たっては、次の「地震火災を防ぐ 15 のポイント」を参考にしてください。

〇事前の対策
1. 住まいの耐震性を確保する
2. 家具等の転防止対策（固定）を行う
3. 感震ブレーカーを設置する
4. ストーブ等の暖房機器の周辺は整理整頓し、可燃物を近くに置かない
5. 住宅用消火器等を設置し、使用方法について確認する
6. 住宅用火災警報器（連動型住宅用火災警報器などの付加的な機能を併せ持つ機器）を設置する
7. 地震直後の行動（8～10）について平時から玄関等に表示し、避難時に確認できるようにする

〇地震直後の行動
8. 停電中は電化製品のスイッチを切るとともに、電源プラグをコンセントから抜く
9. 石油ストーブやファンヒーターからの油漏れの有無を確認する
10. 避難するときはブレーカーを落とす

〇地震からしばらくして（電気やガスの復旧、避難からもどったら）
11. ガス機器、電化製品及び石油器具の使用を再開するときは、機器に破損がないこと、近くに燃えやすいものがないことを確認する
12. 再通電後は、しばらく電化製品に異常（煙、におい）がないか注意を払う

〇その他日頃からの対策
13. 自分の地域での地震火災による影響を把握する
14. 消防団や自主防災組織等へ参加する
15. 地域の防災訓練へ参加するなどし、発災時の対応要領の習熟を図る